

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 13/FES(VN)/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH FES (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (0274).3767188 – 3767168 Fax: (0274).3767128.

Website: www.maccoffee.vn.

Mã số doanh nghiệp: 3700605006

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

Ngày Cấp/Nơi cấp: Không áp dụng.

Cơ sở đã có Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 (có giá trị đến ngày 17/8/2026) và Giấy chứng nhận HACCP (có giá trị đến ngày 17/8/2026), được nộp kèm theo Bản tự công bố sản phẩm này.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: MacCoffee Café PHỐ Cà phê Sữa Đá.

2. Thành phần: Đường, bột kem, cà phê hòa tan (14 %), bột kem sữa (12 %)[dầu thực vật, siro glucose, natri caseinat, chất khô từ sữa (3 %), chất ổn định (340(ii), 452(i)), chất nhũ hóa (471, 472e), chất chống đông vón (551), muối ăn, chất tạo màu beta-caroten tổng hợp 160a(i)], hương liệu tổng hợp, chất tạo màu [caramen nhóm I tự nhiên (150a), caramen nhóm IV tổng hợp (150d)], muối ăn, chất tạo ngọt tổng hợp Acesulfam kali tổng hợp 950, chất điều chỉnh độ acid 500(ii).

Sản phẩm có chứa sữa (contains milk).

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì.
- Ngày sản xuất (NSX): 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong màng ghép phức hợp thành từng gói 24 g với các quy cách như sau:

- Gói có khối lượng tịnh: 24 g.
- Hộp giấy có khối lượng tịnh: 240 g (10 gói x 24 g).



- Túi có khối lượng tịnh: 720 g (30 gói x 24 g).
- Thùng giấy có khối lượng tịnh: 14,4 kg (60 hộp x 240 g).
- Thùng giấy có khối lượng tịnh: 14,4 kg (20 túi x 720 g).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất bởi: EMPIRE MANUFACTURING SDN BHD

Địa chỉ: Lô số 1723, Batu 9 ¼, Jalan Kapar, 42200 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.

Điện thoại: (603) 325 85656 Fax: (603) 3250 1842

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8, 2.5).
- QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.10; 2.22; 3.28; 4.7).

2. Thông tư các Bộ ngành:

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

3. Các tiêu chuẩn khác: theo Tiêu chuẩn số 13/FES(VN)/2024 ngày 20/12/2024 (Tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Chinthaka Prabath Nanayakkara
Giám đốc khối sản xuất và vận hành



CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)	TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM	Số: 13/FES(VN)/2024
Thực phẩm thường	MACCOFFEE CÀ PHÊ PHỐ CÀ PHÊ SỮA ĐÁ	Ngày: 20/12/2024

1. Phạm vi:

Áp dụng cho sản phẩm MacCoffee Café PHỐ Cà phê Sữa Đá.

2. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

2.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số Coliforms	cfu/g	10
3	Escherichia coli	cfu/g	Không được có
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10
5	Bacillus cereus	cfu/g	10
6	Cl. perfringens	cfu/g	10
7	Salmonella spp.	cfu/25g	Không được có
8	TS bào tử nấm men - mốc	cfu/g	10^2



2.2. Các chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp với QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.10; 2.22; 3.28; 4.7)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	1
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	2
4	Thủy Ngân (Hg)	mg/kg	0,05

2.3. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm: Phù hợp với QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8, 2.5)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5
2	Ochratoxin A	µg/kg	10

3. Yêu cầu về dinh dưỡng:

Phù hợp với Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố có trong 24 g	Mức tối thiểu có trong 24 g (*)
1	Năng lượng	kcal	113	79,10
2	Chất đạm	g	1,21	0,847
3	Carbohydrat	g	16,40	11,480
4	Đường tổng số	g	15,20	10,640
5	Chất béo	g	4,54	3,178
6	Natri	mg	74,90	52,430



Ghi chú (*): Giá trị thực không thấp hơn 70% giá trị công bố trên nhãn

A vertical scale bar with markings at 10, 70, 80, and 160 mm.

80
70

10

80 — 70

02

10

10

115 mm
95

Eyemark 10*5 mm.

10

tây pha với đá để có một ly cà phê thơm ngon đúng điệu:

Cụ thể: Hòa 1 gói với 50 ml nước nóng, khuấy

Gu mạnh: Hòa 2 gói với 70 ml nước nóng, khuấy đều, sau đó thêm 120 g sữa vào dùng.

tiếp, sau đó thêm 180 g đá vào dùng.

"...and we can find in noble and fine flowers."

Thành phần: Đường, bột kem, cà phê hòa tan (14,4%) bột kem sữa (12,9%), dầu thực vật (siro)

[illegible]

Đã xuất tại Malaysia.

EMPIRE MANUFACTURING SDN BHD

trình ảnh sáng trực tiếp.

Điện thoại: (603) 325 85656 Fax: (603) 3250 1842

 Công ty TNHH FES (Việt Nam)
Địa chỉ: Số 11 Đường số 8 Khu công nghiệp Việt Nam - Sơn Lôi

Địa chỉ: 30/11, Đường 30/8, Phường Công Nghiệp Việt Nam - Singapore,
? Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (+84) 24 3/6 188 Fax: (+84) 24 3/6 128
Theo nhượng quyền của **FUTURE ENTERPRISES PTE. LTD.**

A member of Food Empire Holdings Limited)
www.maccoffee.vn

8 936024 241650



78 1 036-0562914

TD.



Túi có khối lượng tịnh: 720 g (30 gói x 24 g) - Mặt Trước



Túi có khối lượng tịnh: 720 g (30 gói x 24 g) - Mặt sau

MacCoffee® Café PHỐ

Bạn yêu thích vị đắng của cà phê hòa quyện với vị ngọt ngào của sữa nhưng quá bận rộn để có thể pha chế cho mình một ly cà phê sữa đá thơm ngon đúng điệu. Thấu hiểu nhu cầu của bạn, các chuyên gia MacCoffee mang đến cho bạn ly cà phê Phố sữa đá thơm ngon quen thuộc, giúp bạn tỉnh táo và tập trung cho một ngày làm việc hiệu quả.

Thành phần: Đường, bột kem, cà phê hòa tan (14%), bột kem sữa (12%) [dầu thực vật, siro glucose, natri caseinat, chất khô từ sữa (3%), chất ổn định (340(ii), 452(ii)), chất nhũ hóa (471, 472e), chất chống đông vón (551), muối ăn, chất tạo màu beta-caroten tổng hợp 160a(ii)], hương liệu tổng hợp, chất tạo màu [caramen nhóm I tự nhiên (150a), caramen nhóm IV tổng hợp (150d)], muối ăn, chất tạo ngọt Acesulfam kali tổng hợp 950, chất điều chỉnh độ acid 500(ii).

Sản phẩm có chứa sữa (contains milk).

Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

Sản xuất bởi:

EMPIRE MANUFACTURING SDN BHD

Lô số 1723, Batu 9¼, Jalan Kapar, 42200 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.

Điện thoại: (603) 325 85656 Fax: (603) 3250 1842

Nhập khẩu và chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi:

Công ty TNHH FES (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore,

P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (+84) 274 3767188 Fax: (+84) 274 3767128

Theo nhượng quyền của **FUTURE ENTERPRISES PTE. LTD.**

(A member of Food Empire Holdings Limited)

www.maccoffee.vn

f / MACCafePho

Sản xuất tại Malaysia.

HSD: Xem trên bao bì.

NSX: 24 tháng trước HSD.

HSD:



P2MC-C3MIG0-VN246

Quality Product of



Food Empire



Cà phê Sữa Đá

HÃY PHA VỚI ĐÁ ĐỂ CÓ MỘT LY CÀ PHÊ THƠM NGON ĐÚNG ĐIỀU:



Gu nhẹ: Hòa 1 gói với 50 ml nước nóng, khuấy đều, sau đó thêm 120 g đá vào dùng.



Gu mạnh: Hòa 2 gói với 70 ml nước nóng, khuấy đều, sau đó thêm 180 g đá vào dùng.

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Tổng số khẩu phần ăn: 30

Kích cỡ một khẩu phần ăn: 24 g

Thành phần dinh dưỡng	Trên một khẩu phần ăn	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	113 Kcal	6%
Chất đạm	1,21 g	2%
Carbohydrat	16,4 g	5%
Đường tổng số	15,2 g	
Chất béo	4,54 g	8%
Natri	74,9 mg	4%

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một khẩu phần ăn.





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)
Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : NA9J2409050051

Mã số mẫu : 743-2024-00130203

Mã số Eol : 005-32410-325881
Tên mẫu : MacCoffee Café PHỐ Cà phê Sữa Đá
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 05/09/2024 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 11/09/2024
Thời gian thử nghiệm : 06/09/2024 - 12/09/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
4	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD026 VD (a) Caffein	g/ 100 g	ISO 20481:2008	0.51
10	VD0AS VD (a) Acesulfam kali (E950)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5623, 3579 (Ref. BS EN 12856:1999)	385
11	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
12	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
13	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
14	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
15	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Phát hiện vết (<1.5)
16	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD020 VD (a) Melamine	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)
18	VD3HT VD (a) Diazinon	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/09/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/09/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-24-VD-133741-01/743-2024-00130203, xuất ngày 21/09/2024; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NA9J2409050051

Mã số mẫu : 743-2024-00130203

Mã số Eol : 005-32410-325881
Tên mẫu : MacCoffee Café PHỐ Cà phê Sữa Đá
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 05/09/2024 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 11/09/2024
Thời gian thử nghiệm : 06/09/2024 - 12/09/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	2.70
2	VD304 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3482 (Ref. TCVN 4594:1988)	63.48
3	VD0BN VD (a) Acid béo bão hòa	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	17.6
4	VD0BR VD (a) Acid béo dạng trans	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	Phát hiện vết (<0.01%)
5	VD210 VD Độ ẩm	%	TCVN 9722:2013 (ISO 20938:2008)	2.00
6	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	3.08
7	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3580 (Ref. AOAC 994.10)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	3120
9	VDERJ VD Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003; AOAC 991.43	68.3
10	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	18.9
11	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	5.04
12	VD9T0 VD Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	469

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



AR-24-VD-133741-02-VI / EUVNHC-00289946 - 01- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/09/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/09/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-24-VD-133741-01/743-2024-00130203, xuất ngày 21/09/2024; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





Mã số mẫu / Sample code Nr.: 743-2024-00130203
Mã số kết quả / Analytical Report Nr.: AR-24-VD-133741-02 / EUVNHC-00289946

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Tổng số phần ăn:			
Kích cỡ một phần ăn: 24 g			
Thành phần dinh dưỡng	Trên một phần ăn		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	113	kcal	6%
Chất đạm (Protein)	1.21	g	2%
Carbohydrate	16.4	g	5%
Đường tổng số (Total Sugars)	15.2	g	
Chất béo (Fat)	4.54	g	8%
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	4.22	g	21%
Natri (Sodium)	74.9	mg	4%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một phần ăn.			

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.